

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 182/2018/HSST

Ngày 29/10/ 2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu và bà Đặng Thị Việt Hoài.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 179/2019/HSST ngày 15 tháng 10 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 187/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Hoàng Quý Q, sinh ngày 08 tháng 9 năm 1992 tại Thái Bình.

HKTT và nơi cư trú: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Bố: Hoàng Văn V. Mẹ: Mai Thị M. Vợ: Nguyễn Thị H (đã ly hôn).

Tiền án: Bản án số 59/2017/HSST ngày 01/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, xử phạt Hoàng Quý Q 04 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/8/2017, án phí ngày 05/12/2017.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tháng 9 năm 2011 đến tháng 01 năm 2013 tham gia nghĩa vụ quân sự, sau đó ở nhà lao động tự do.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/8/2019 đến 12/8/2019 chuyển tạm giam có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị S – sinh năm 1973.

Trú quán: Thôn G, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Nguyên đơn dân sự:

Nguyễn X T, sinh năm 2003.

Người đại diện hợp pháp của anh T là bà Nguyễn Hoài T (mẹ đẻ của anh T).

Đều trú quán: Số nhà 03, đường Q, tổ 8, pH T, thành phố Thái Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1959.

Trú quán: Số nhà 51, đường H, tổ 5, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/3/2019, bị cáo (Hoàng Quý Q) đến nhà bạn gái là chị Phạm Thị X, sinh năm 2002, trú tại thôn G, xã Đ, thành phố T để chơi thì gặp chị Không Thị Thu H là bạn của chị X. Bị cáo thấy chị H sử dụng một chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng, bị cáo hỏi chị H và biết được nơi ở của chị H. Sau khi chị H ra về, bị cáo đọc tin nhắn trong điện thoại của chị X thì biết được chiếc điện thoại chị H đang sử dụng là của anh T. Lúc này bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại nên bị cáo nghĩ cách thực hiện bị cáo sẽ giả vờ là người quen của anh T đến nhà chị H nói dối chị H và gia đình chị H là đến lấy hộ anh T điện thoại, mục đích để chị H và gia đình chị H tin tưởng đưa chiếc điện thoại trên cho bị cáo. Khoảng 12 giờ trưa ngày 27/3/2019 bị cáo đến nhà chị H để thực hiện ý đồ nói trên nhưng vì không gặp ai ở nhà chị H nên bị cáo đi về. Chiều cùng ngày, bị cáo đến nhà chị H nhưng chỉ gặp bà S là mẹ đẻ của chị H, bị cáo giới thiệu với bà S bị cáo là anh họ của anh T, đến lấy điện thoại, bà S không nghi ngờ gì và hẹn khi nào chị H về sẽ gọi điện thoại cho bị cáo đến lấy điện thoại. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo quay lại nhà chị H, bà S cầm chiếc điện thoại Iphone 6 (của anh T cho chị H mượn) đưa cho bị cáo. Sau khi lấy được chiếc điện thoại bị cáo cầm cố cho ông Nguyễn Văn C làm ở cửa hàng cầm đồ số nhà 51, đường H, tổ 5, phường L, thành phố T thì được số tiền 1.000.000 đồng, số tiền này bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 13/KLĐG-HĐĐG ngày 05/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận chiếc điện thoại Iphon6 mà bị cáo bị cáo Hoàng Quý Q đã chiếm đoạt được có giá trị là 2.600.000đ.

Tại cáo trạng số 187/CT-VKSTP ngày 14/10/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo Hoàng Quý Q về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự ; Điều h, s khoản 1; khoản 2 điều 51; điểm h, khoản 1 điều 52; Điều 38; Điều 50 ; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Hoàng Quý Q phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Không phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T chủ sở hữu chiếc điện thoại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết. Buộc bị cáo Hoàng Quý Q phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau;

[1] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên, của cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát đúng quy định pháp luật, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Quý Q đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu. Cụ thể là do muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên khi phát hiện thấy chị H có chiếc điện thoại Iphon6 mượn của anh T. Bị cáo đã đến nhà chị H nói dối bà NguyễnThị S là mẹ của chị H là lấy hộ anh T chiếc điện thoại, bà S đã lấy chiếc điện thoại của anh T đưa cho bị cáo. Sau khi lấy được chiếc điện thoại bị cáo đã cầm cố cho ông Nguyễn Văn C lấy số tiền 1.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân hết.Trị giá tài sản chiếm đoạt là 2.600.000đ. đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, đồ vật và các sự việc. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bị cáo Hoàng Quý Q là người đã thực hiện hành vi lừa dối bà S để chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphon6.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý xâm phạm tài sản của người khác, tài sản chiếm đoạt trị giá 2.600.000 đồng.

Hành vi của bị cáo tương ứng với quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình quyết định truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật hình sự.

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xét có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Quý Q phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự .

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật quy định bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự. Bị cáo đã có tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã phải chịu hình phạt tù nhưng không chịu cải tạo quy chính, vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện. Do bị cáo thu nhập không ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Hoàng Quý Q đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã tham gia quân đội nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có tiền án về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Anh T chủ sở hữu chiếc điện thoại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết. Đối với số tiền bị cáo nhận được từ việc cầm cố chiếc điện thoại cho ông Nguyễn Văn C nay ông C yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền trên vì vậy căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải bồi thường cho ông C số tiền 1.000.000 đ.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự.

[6] Bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự và đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Từ những nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, điều 174; Bộ luật hình sự năm 2015; điểm h, s khoản 1 khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 50; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015. Điều 136 ; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Quý Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quý Q 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/8/2019. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Quý Q phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.000.000 đồng.

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng Quý Q phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đ án phí dân sự trong hình sự.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự và người đại diện của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày. Đối với người có mặt kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/10/2019. Đối với người vắng mặt kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- *Trạm giam công an tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND TP. Thái Bình;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP. Thái Bình;*
- *Công an thành phố Thái Bình;*
- *Bị cáo; người tham gia tố tụng.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mạnh

